TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Huỳnh Tú.
Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Văn Hào.
2- Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Văn Lưới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 724/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2018 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 449/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Đoan T, sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện B, TP. Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Kim P, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp 2, xã C, huyện B, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong xin ly hôn ngày 21 tháng 5 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thi Đoan T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Kim P biết nhau từ năm 2010, đôi bên có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2010. Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D, nữ, sinh ngày 31/8/2010. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông P thường xuyên nhậu nhẹt và không quan tâm đến bà, vợ chồng đã ly thân được 02 năm. Nay tình cảm đối với nhau không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà đồng ý giao con cho ông P nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Kim P đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông P vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc D, nữ, sinh ngày 31/8/2010 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và ông P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T. Nếu sau này ông P có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai nhận không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2] Bà Ngô Thị Đoan T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Kim P. Đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện B nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6] Về hình thức: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 78 quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2010 thì giữa bà Ngô Thị Đoan T và ông Nguyễn Kim P là vợ chồng, được pháp luật công nhận.

[7] Về nội dung:

[8] Xét lời trình bày của bà T nhận thấy giữa bà với ông P trước khi kết hôn đã có thời gian quen biết và tìm hiểu nên hôn nhân giữa đôi bên là hoàn toàn tự nguyện. Vợ

chồng chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên bà T xin ly hôn với ông P để sớm ổn định cuộc sống.

[9] Mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập ông P đến Tòa để ghi nhận ý kiến, hòa giải nhưng ông P đều không đến. Hai lần triệu tập đến tham gia phiên tòa ông P vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông P đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[10] Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[1] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D, nữ, sinh ngày 31/8/2010. Xét thấy theo lời trình bày của bà T thì hiện tại trẻ D đang do ông P trực tiếp nuôi dưỡng và và nguyện vọng của trẻ muốn được sống với cha, bà T cũng đồng ý giao con cho ông P nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ D cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

[1] Bà T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và ông P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng cuôi con của bà T. Nếu sau này ông P có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[11] Bà T được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[12] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[13] Về án phí: Bà T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005221 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

1.1. Bà Ngô Thị Đoan T được ly hôn với ông Nguyễn Kim P.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 78 quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc D, nữ, sinh ngày 31/8/2010 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T. Nếu sau này ông P có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Bà T được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005221 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LẠI HUỲNH TÚ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM ;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- UBND xã C, huyện B;
- Lưu VP, hồ sơ.